

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CƠ GIỚI



GIÁO TRÌNH
MÔN HỌC: THUẾ
NGHỀ: KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

Ban hành kèm theo Quyết định số: / QĐ-CĐCG ngày ... tháng.... năm.....
của Trường cao đẳng Cơ Giới

Quảng Ngãi, năm 2022
(Lưu hành nội bộ)

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

TaiLieu.vn

LỜI GIỚI THIỆU

Vài nét về xuất xứ giáo trình:

Giáo trình này được viết theo Kế hoạch Biên soạn, chỉnh biên giáo trình năm 2022 của Trường Cao đẳng Cơ Giới về việc triển khai xây dựng chương trình đào tạo theo Luật Giáo dục nghề nghiệp để làm tài liệu dạy trình độ Cao đẳng.

Quá trình biên soạn:

Trên cơ sở tham khảo các giáo trình, tài liệu về Thuế, kết hợp với các kiến thức, kinh nghiệm thực tế phù hợp với ngành nghề, giáo trình này được biên soạn có sự tham gia góp ý kiến đóng góp quý báu của các giáo viên trong Khoa Kinh tế.

Mối quan hệ của tài liệu với chương trình, môn học/môđun:

Căn cứ vào chương trình đào tạo nghề Kế toán doanh nghiệp cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Thuế, từ đó có thể hỗ trợ cho người học vận dụng vào công tác thực tiễn của doanh nghiệp.

Với mục tiêu trang bị cho học sinh, sinh viên những kiến thức cơ bản về Thuế và kỹ năng thu thập xử lý các thông tin kế toán đồng thời lựa chọn các phương pháp, hình thức, biện pháp quản trị để quản lý kinh tế tài chính và tham mưu cho lãnh đạo doanh nghiệp quản lý hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp một cách hiệu quả, đồng thời đáp ứng được chương trình khung của Bộ Lao động – Thương Binh và Xã hội, phục vụ nhu cầu về giáo trình giảng dạy học tập và nghiên cứu của học sinh học nghề Kế toán, Khoa Kinh tế Trường Cao đẳng Cơ Giới biên soạn **Giáo trình Thuế** (Dùng cho trình độ Cao đẳng)

Cuốn sách gồm 6 chương:

- | | |
|------------|--|
| Chương I | Đối tượng nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu |
| Chương II | Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu |
| Chương III | Thuế tiêu thụ đặc biệt |
| Chương IV | Thuế giá trị gia tăng |
| Chương V | Thuế thu nhập doanh nghiệp |
| Chương IV | Các khoản thuế và lệ phí |

Sau mỗi chương đều có bài tập củng cố kiến thức cho người học.

Giáo trình được biên soạn trên cơ sở các văn bản quy định của Nhà nước và tham khảo nhiều tài liệu liên quan có giá trị. Mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng không tránh khỏi những thiếu sót. Tác giả rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy, cô giáo và các bạn học sinh, sinh viên cùng đồng đạo bạn đọc để giáo trình ngày càng hoàn thiện hơn.

Xin chân thành cảm ơn.

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2022

Tham gia biên soạn

- | | |
|----------------|----------|
| 1. Lê Thị Hạnh | Chủ biên |
| 2. | |
| 3. | |

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU	3
THÔNG TIN CHUNG	9

CHƯƠNG I

ĐỐI TƯỢNG NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Thuế và vai trò của thuế trong nền kinh tế	17
1.1. Sự ra đời và phát triển của thuế	17
1.2. Khái niệm và đặc điểm của thuế	20
1.3. Vai trò của thuế trong nền kinh tế	21
2. Các yếu tố cấu thành nên một sắc thuế	23
2.1. Tên gọi của sắc thuế	24
2.2. Đối tượng nộp thuế	24
2.3. Đối tượng chịu thuế	24
2.4. Cơ sở tính thuế	24
2.5. Mức thuế	25
2.6. Chế độ giảm thuế, miễn thuế	26
2.7. Chế độ trách nhiệm	26
2.8. Thời hạn thu, thủ tục nộp thuế và các chế tài liên quan	27
3. Phân loại thuế	28
3.1. Phân loại theo đối tượng chịu thuế	28
3.2. Phân loại theo phương thức đánh thuế	29
3.3. Phân loại theo mối quan hệ đối với khả năng nộp thuế	30
3.4. Phân loại theo phạm vi thẩm quyền về thuế	30
4. Các tiêu chí để xây dựng hệ thống thuế	30
4.1. Tính công bằng	30
4.2. Tính hiệu quả	31
4.3. Tính rõ ràng, minh bạch	32
4.4. Tính linh hoạt	32
5. Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu	33
5.1. Đối tượng nghiên cứu	33
5.2. Nhiệm vụ nghiên cứu môn học	33
5.3. Phương pháp nghiên cứu môn học	33
Câu hỏi ôn tập – bài tập	34

CHƯƠNG II

THUẾ XUẤT KHẨU, THUẾ NHẬP KHẨU

1. Khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc thiết lập và tác dụng của thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu	37
1.1. Khái niệm	37
1.2. Đặc điểm	38
1.3. Nguyên tắc thiết lập thuế xuất khẩu, nhập khẩu	38
1.4. Tác dụng của thuế xuất khẩu, nhập khẩu	38
2. Nội dung cơ bản của thuế xuất khẩu, nhập khẩu	39
2.1. Phạm vi áp dụng thuế xuất khẩu, nhập khẩu	39
2.2. Căn cứ tính thuế	40
2.3. Phương pháp tính thuế xuất khẩu, nhập khẩu	42
2.4. Miễn thuế, xét miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, truy thu thuế xuất khẩu, nhập khẩu	42
2.5. Đăng ký, kê khai thuế, nộp thuế xuất khẩu, nhập khẩu	46
Câu hỏi ôn tập – bài tập	50

CHƯƠNG III

THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

1. Khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc thiết lập và tác dụng của thuế tiêu thụ đặc biệt	55
1.1. Khái niệm	55
1.2. Đặc điểm	55
1.3. Nguyên tắc thiết lập thuế tiêu thụ đặc biệt	56
1.4. Tác dụng của thuế tiêu thụ đặc biệt	56
2. Nội dung cơ bản của thuế tiêu thụ đặc biệt	56
2.1. Phạm vi áp dụng thuế tiêu thụ đặc biệt	56
2.2. Căn cứ tính thuế	59
2.3. Phương pháp tính thuế tiêu thụ đặc biệt	65
2.4. Chế độ miễn, giảm, hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt	66
2.5. Đăng ký, kê khai thuế, nộp thuế và quyết toán thuế	68
Câu hỏi ôn tập – bài tập	71

CHƯƠNG IV

THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

1. Khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc thiết lập và tác dụng của thuế GTGT	76
1.1. Khái niệm	76
1.2. Đặc điểm	76
1.3. Nguyên tắc thiết lập thuế GTGT	77
1.4. Tác dụng của thuế GTGT	77

2. Nội dung cơ bản của thuế giá trị gia tăng	78
2.1. Phạm vi áp dụng	78
2.2. Căn cứ tính thuế	83
2.3. Phương pháp tính thuế GTGT	93
2.4. Quy định về hoá đơn chứng từ mua, bán hàng hoá, dịch vụ	96
2.5. Chế độ hoàn thuế	97
2.6. Chế độ giảm thuế, miễn thuế	103
2.7. Đăng ký, kê khai thuế, nộp thuế và quyết toán thuế	104
Câu hỏi ôn tập – bài tập	106

CHƯƠNG V

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

1. Khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc thiết lập và tác dụng của thuế thu nhập doanh nghiệp	112
1.1. Khái niệm	112
1.2. Đặc điểm	113
1.3. Nguyên tắc thiết lập thuế thu nhập DN	113
1.4. Tác dụng của thuế thu nhập doanh nghiệp	113
2. Nội dung cơ bản của thuế thu nhập doanh nghiệp	113
2.1. Đối tượng nộp thuế	113
2.2. Đối tượng chịu thuế	114
2.3. Căn cứ tính thuế	115
2.4. Phương pháp tính thuế thu nhập DN	122
2.5. Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp	123
2.6. Đăng ký, kê khai thuế, nộp thuế và quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp	135
Câu hỏi ôn tập – bài tập	137

CHƯƠNG VI

CÁC KHOẢN THUẾ VÀ LỆ PHÍ KHÁC

I. Thuế thu nhập cá nhân	144
1. Giới thiệu chung về thuế thu nhập cá nhân	144
1.1. Khái niệm	144
1.2. Đặc điểm	144
1.3. Vai trò của thuế thu nhập cá nhân	145
1.4. Nguyên tắc và phương pháp thiết lập chính sách thuế thu nhập cá nhân	145
2. Đối tượng nộp thuế	146
3. Đối tượng chịu thuế và không chịu thuế	146
3.1. Đối tượng chịu thuế	146

3.2. Đối tượng không chịu thuế	148
4. Căn cứ tính thuế	149
4.1. Đối với cá nhân cư trú	149
4.2. Đối với cá nhân không cư trú	155
5. Phương pháp tính thuế	156
5.1. Đối với cá nhân cư trú	156
5.2. Đối với cá nhân không cư trú	158
6. Kê khai thuế, nộp thuế và quyết toán thuế	159
6.1. Đăng ký thuế, cấp mã số thuế	159
6.2. Kê khai thuế thu nhập cá nhân	159
6.3. Hoàn thuế thu nhập cá nhân	160
6.4. Quyết toán thuế thu nhập cá nhân	160
II. Thuế tài nguyên	160
1. Giới thiệu chung về thuế tài nguyên	160
1.1. Khái niệm	160
1.2. Đặc điểm	161
1.3. Vai trò	161
2. Đối tượng nộp thuế	161
3. Đối tượng chịu thuế	162
4. Căn cứ tính thuế và phương pháp tính thuế	163
4.1. Căn cứ tính thuế	163
4.2. Phương pháp tính thuế	168
5. Miễn, giảm thuế tài nguyên	169
5.1. Miễn thuế tài nguyên	169
5.2. Giảm thuế tài nguyên	169
6. Đăng ký, kê khai, nộp thuế và quyết toán thuế	170
6.1. Đăng ký thuế	170
6.2. Kê khai thuế	170
6.3. Nộp thuế	170
6.4. Quyết toán thuế	171
III. Thuế nhà, đất	171
1. Giới thiệu chung về thuế nhà, đất	171
1.1. Khái niệm	171
1.2. Đặc điểm	172
2. Đối tượng nộp thuế	172

3. Đối tượng chịu thuế và không chịu thuế	172
3.1. Đối tượng chịu thuế	172
3.2. Đối tượng không chịu thuế	173
4. Phương pháp và căn cứ tính thuế	173
4.1. Căn cứ tính thuế	173
4.2. Phương pháp tính thuế	174
5. Miễn, giảm thuế đất	174
5.1. Những trường hợp được miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp	174
5.2. Những trường hợp được miễn, giảm thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	174
6. Thủ tục kê khai, thu nộp thuế đất	175
6.1. Kê khai nộp thuế đất	175
6.2. Tổ chức quản lý thu nộp thuế	176
V. Phí, lệ phí	177
1. Nội dung cơ bản của phí, lệ phí	177
1.1. Lịch sử hình thành, phát triển của phí và lệ phí tại Việt Nam	177
1.2. Khái niệm, đặc điểm và phân loại phí, lệ phí	178
1.3. Đối tượng nộp phí, lệ phí	180
1.4. Trách nhiệm của tổ chức thu phí, lệ phí	180
1.5. Quyền, trách nhiệm của người nộp phí, lệ phí	181
1.6. Nguyên tắc xác định mức thu phí	181
1.7. Kê khai, nộp phí, lệ phí	181
1.8. Chế độ miễn, giảm phí, lệ phí	181
1.9. Thu, nộp, quản lý và sử dụng phí	182
2. Phí môn bài	182
2.1. Khái niệm và vai trò của phí môn bài	182
2.2. Đối tượng nộp phí	183
2.3. Mức phí môn bài	184
2.4. Phương pháp thu phí	185
2.5. Hướng dẫn kê khai phí môn bài	186
Câu hỏi ôn tập – bài tập	188

GIÁO TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: THUẾ

Mã môn học: MH 17

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành 26 giờ; Kiểm tra: 4 giờ)

Vị trí, tính chất của môn học:

- *Vị trí:*

Môn học Thuế thuộc nhóm các môn học chuyên môn được bố trí giảng dạy sau khi đã học xong các môn học cơ sở.

Để học tốt môn học này, đòi hỏi học sinh phải nắm vững các môn học có liên quan như Tài chính doanh nghiệp, Luật kinh tế. Các môn học có liên quan và có thể tham khảo thêm như Soạn thảo văn bản, Kiểm toán, Kế toán doanh nghiệp.

Môn học có vị trí quan trọng trong khoa học kinh tế quản lý nói chung và khoa học kế toán nói riêng.

- *Tính chất:*

Môn Thuế là một môn học bắt buộc, có tính chất hỗ trợ cho các môn học nghiệp vụ của nghề và vận dụng vào công tác thực tiễn của doanh nghiệp; Thông qua kiến thức chuyên môn về quản lý thuế và tính chất, quy định các sắc thuế cơ bản, giúp người học hiểu được và biết cách sử dụng dữ liệu kế toán để kê khai thuế tại doanh nghiệp, áp dụng kiến thức để soạn thảo các điều kiện của hợp đồng kinh tế, kết hợp với kiến thức các môn kinh tế để tính toán, đưa ra các quyết định kinh doanh cũng như quản trị doanh nghiệp.

- *Ý nghĩa và vai trò của môn học:*

+ Giúp học sinh có khả năng cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về Thuế, quản lý điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý nguồn tài chính và những kỹ năng mềm cần thiết trong doanh nghiệp.

+ Xét về kinh tế - xã hội thì môn học này giúp cho người học biết được lý do tồn tại của doanh nghiệp, mục đích hoạt động của doanh nghiệp là lợi nhuận

+ Giáo trình Thuế thể hiện mục tiêu của doanh nghiệp, đảm bảo cho doanh nghiệp tồn tại và phát triển lâu dài, bảo toàn và phát triển vốn để đáp ứng được mong muốn của chủ sở hữu và mọi thành viên trong doanh nghiệp

+ Hoạt động kê khai thuế chính là nhằm đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh cao hơn.

Mục tiêu của môn học:

- Về kiến thức:

A1. Trình bày được bản chất, tính chất và phương pháp quản lý thuế (gồm đăng ký thuế, khai thuế, tính thuế, ấn định thu; hoàn thành nghĩa vụ thuế; miễn giảm hoàn thuế; cưỡng chế nợ thuế; các trường hợp xử lý trốn thuế, gian lận thuế).

A2. Trình bày được nội dung cơ bản về các quy định pháp luật hiện hành liên quan đến các sắc thuế phổ biến, hoá đơn, một số phí, lệ phí.

A3. Hiểu bản chất, mối quan hệ giữa các sắc thuế mà doanh nghiệp phải kê khai

và hoàn thành nghĩa vụ với ngân sách nhà nước trong nền kinh tế hiện nay.

A4. Vận dụng những nội dung chủ yếu của thuế và kết hợp với dữ liệu kế toán để kê khai thuế cho từng trường hợp cụ thể và cho từng doanh nghiệp.

- Về kỹ năng:

B1. Sử dụng dữ liệu kế toán để tổng hợp, kê khai thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế tài nguyên và một số loại thuế khác.

B2. Phân loại, thực hiện đăng ký thuế và kê khai thuế nhà thầu theo quy định.

B3. Xử lý được một số lỗi sai trong quá trình kê khai thuế.

B4. Tính toán được số tiền phải nộp ngân sách nhà nước của từng sắc thuế tại các doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

B5. Biết thao tác, kê khai thuế; đăng ký và nộp thuế điện tử trên phần mềm.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

C1. Có khả năng tự nghiên cứu, tự học, tham khảo tài liệu liên quan đến môn học để vận dụng vào hoạt động học tập.

C2. Vận dụng được các kiến thức tự nghiên cứu, học tập và kiến thức, kỹ năng đã được học để hoàn thiện các kỹ năng liên quan đến môn học một cách khoa học, đúng quy định.

C3. Có ý thức học tập theo phương pháp biết suy luận, kết hợp lý luận với thực tiễn.

C4. Có thái độ nghiêm túc, cách tiếp cận khoa học khi xem xét một vấn đề thuộc lĩnh vực tài chính.

1. Chương trình khung nghề Kế toán doanh nghiệp

Mã MH, MD	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)				
		Số tín chỉ	Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành /thực tập /bài tập	Kiểm tra
I	Các môn học chung/đại cương	18	435	157	255	23
MH 01	Chính trị	3	75	41	29	5
MH 02	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH 03	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng – An ninh	3	75	36	35	4
MH 05	Tin học	3	75	15	58	2
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	5	120	42	72	6

II	Các môn học, mô đun đào tạo nghề	107	2.365	886	1.361	118
MH 07	Kinh tế chính trị	3	60	40	16	4
MH 08	Luật kinh tế	2	30	20	8	2
MH 09	Soạn thảo văn bản	2	45	27	15	3
MH 10	Anh văn chuyên ngành	3	60	40	16	4
MH 11	Kinh tế vi mô	3	60	40	17	3
MH 12	Nguyên lý thống kê	3	45	30	13	2
MH 13	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	45	31	11	3
MH 14	Lý thuyết kế toán	4	75	50	20	5
MH 15	Quản trị doanh nghiệp	3	60	40	17	3
MH 16	Thống kê doanh nghiệp	3	60	30	26	4
MH 17	Thuế	3	60	30	26	4
MH 18	Tài chính doanh nghiệp	6	120	70	42	8
MĐ 19	Kế toán doanh nghiệp 1	6	120	55	57	8
MĐ 20	Kế toán doanh nghiệp 2	7	150	70	72	8
MĐ 21	Thực hành kế toán trong doanh nghiệp thương mại	3	85	0	77	8
MĐ 22	Thực hành kế toán trong doanh nghiệp sản xuất	5	150	0	140	10
MH 23	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	60	30	26	4
MH 24	Kế toán quản trị	3	60	30	26	4
MH 25	Kế toán hành chính sự nghiệp	4	75	30	40	5
MH 26	Kiểm toán	3	60	30	26	4
MĐ 27	Tin học kế toán	2	60	13	45	2
MĐ 28	Thực tập nghề nghiệp	7	200	0	200	0
MĐ 29	Thực tập tốt nghiệp	10	310	0	310	0
MH 30	Toán kinh tế	4	75	49	22	4
MH 31	Kinh tế vĩ mô	3	45	30	12	3
MH 32	Kinh tế phát triển	2	45	25	17	3
MH 33	Quản lý ngân sách	2	45	25	17	3

MH 34	Kế toán thương mại dịch vụ	3	60	26	30	4
MH 35	Quản trị văn phòng	2	45	25	17	3
Tổng cộng		125	2.800	1.043	1.616	141

2. Chương trình chi tiết môn học

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu Thuế và vai trò của thuế trong nền kinh tế Các yếu tố cấu thành nên một sắc thuế Phân loại thuế Các tiêu chí để xây dựng hệ thống thuế Đối tượng nghiên cứu	3	3		
II	Thuế xuất khẩu, nhập khẩu Khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc thiết lập và tác dụng của thuế xuất khẩu, nhập khẩu Nội dung cơ bản của thuế xuất khẩu, nhập khẩu	11	5	5	1
III	Thuế Tiêu thụ đặc biệt Khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc thiết lập và tác dụng của thuế tiêu thụ đặc biệt Nội dung cơ bản của thuế tiêu thụ đặc biệt	10	5	5	
IV	Thuế Giá trị gia tăng Khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc thiết lập và tác dụng của thuế giá trị gia tăng Nội dung cơ bản của thuế giá trị gia tăng	14	7	6	1
V	Thuế thu nhập doanh nghiệp Khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc thiết lập và tác dụng của thuế thu nhập doanh nghiệp Nội dung cơ bản của thuế thu nhập doanh nghiệp	11	5	5	1
VI	Các khoản thuế và lệ phí khác Thuế thu nhập cá nhân Thuế tài nguyên Thuế nhà, đất	11	5	5	1

	Phí, lệ phí và thuế môn bài				
	Cộng	60	30	26	4

3. Điều kiện thực hiện môn học:

3.1. Phòng học Lý thuyết/Thực hành: Đáp ứng phòng học chuẩn

3.2. Trang thiết bị dạy học: Projector, máy vi tính, bảng, phấn, tranh vẽ....

3.3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, biểu đồ, bài giảng điện tử..

3.4. Các điều kiện khác: Người học đã học xong các môn học cơ sở.

4. Nội dung và phương pháp đánh giá:

4.1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức.
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Trong quá trình học tập, người học cần:

- + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp.
- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
- + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

4.2. Phương pháp:

Người học được đánh giá tích lũy môn học như sau:

4.2.1. Cách đánh giá

- Áp dụng quy chế đào tạo Cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐ, ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo áp dụng tại Trường Cao đẳng Cơ giới như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kỳ (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc môn học	60%

4.2.2. Phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá	Phương pháp tổ chức	Hình thức kiểm tra	Chuẩn đầu ra đánh giá	Số cột	Thời điểm kiểm tra
Thường xuyên	Vấn đáp	Tự luận/ Trắc nghiệm	A1, B1, C1	1	Sau 3 giờ
Định kỳ	Viết	Tự luận/ Trắc nghiệm	A1, A2, A3, B1, B2, B3, C1, C2	4	Sau 13 giờ

Kết thúc môn học	Viết	Tự luận/ Trắc nghiệm	A1, A2, A3, A4, B1, B2, B3, B4, B5, C1, C2, C3, C4	1	Sau 60 giờ
------------------	------	-------------------------	--	---	------------

4.2.3. Cách tính điểm.

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm môn học là tổng điểm của tất cả điểm đánh giá thành phần của môn học nhân với trọng số tương ứng. Điểm môn học theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân.

5. Hướng dẫn thực hiện môn học.

5.1. Phạm vi, đối tượng áp dụng: Đối tượng Cao đẳng nghề Kế toán doanh nghiệp

5.2. Phương pháp giảng dạy, học tập môn học

5.2.1. Đối với người dạy

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm trình chiếu, thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập cụ thể, câu hỏi thảo luận nhóm....

* **Thực hành:**

- Phân chia nhóm nhỏ thực hiện bài tập thực hành theo nội dung đề ra.
- Khi giải bài tập, làm các bài Thực hành, bài tập... Giáo viên hướng dẫn, phân tích và sửa sai tại chỗ cho người học.

- Sử dụng giáo án điện tử, sơ đồ kinh tế để minh họa các bài tập ứng dụng

* **Thảo luận:** Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung đề ra.

* **Hướng dẫn tự học theo nhóm:** Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm tìm hiểu, nghiên cứu theo yêu cầu nội dung trong bài học, cả nhóm thảo luận, trình bày nội dung, ghi chép và viết báo cáo nhóm.

5.2.2. Đối với người học: Người học phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi người học vào học môn học này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Sinh viên trao đổi với nhau, thực hiện bài thực hành và báo cáo kết quả

- Tham dự tối thiểu 70% các giờ giảng lý thuyết. Nếu người học vắng >30% số giờ tích hợp phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tự học và thảo luận nhóm: Là một phương pháp học tập kết hợp giữa làm việc theo nhóm và làm việc cá nhân. Một nhóm gồm 2-3 người học sẽ được cung cấp chủ đề thảo luận trước khi học lý thuyết, thực hành. Mỗi người học sẽ chịu trách nhiệm về 1 hoặc một số nội dung trong chủ đề mà nhóm đã phân công để phát triển và hoàn thiện tốt nhất toàn bộ chủ đề thảo luận của nhóm.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc môn học.

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

6. Danh mục tài liệu tham khảo:

- TS Phan Hữu Nghị, PGS.TS Phan Thị Bất (Đồng chủ biên), Giáo trình Thuế, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2020.
- PGS. TS Nguyễn Thị Liên, PGS. TS Nguyễn Văn Hiệu (Đồng chủ biên), Giáo trình Thuế, NXB Tài chính, Hà Nội, 2020.
- TS Nguyễn Văn Tuyền, TS Vũ Văn Cương, PGS.TS Phạm Thị Giang Thu, PGS.TS Nguyễn Thị Ánh Vân (Đồng chủ biên), Giáo trình Thuế Việt Nam, NXB Công an nhân dân, 2013
- ThS. Đồng Thị Vân Hồng, CN. Phùng Xuân Hội, CN. Phạm Thanh Luận, Giáo trình Thuế, NXB Lao Động, 2009

Tailieu.vn

CHƯƠNG I

ĐỐI TƯỢNG NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Mã chương: MH 17 - 01

Giới thiệu:

Chương I giới thiệu tổng quan các vấn đề về thuế. Nhận biết được tính tất yếu khách quan của sự ra đời và phát triển cũng như vai trò của thuế đối với nền kinh tế, từ đó thấy được tầm quan trọng của nó đối với mọi hoạt động của nền kinh tế, các yếu tố cấu thành nên một sắc thuế, các tiêu thức xây dựng hệ thống chính sách thuế và phân biệt được các sắc thuế trong hệ thống thuế Việt Nam.

Cơ sở pháp lý:

- Luật 38/2019/QH14 về quản lý thuế
- Nghị định số 83/2013/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế.
- Thông tư số 95/2016/TT-BTC hướng dẫn về đăng ký thuế.

Mục tiêu:

Sau khi học xong chương này, học sinh sinh viên có khả năng:

- Nhận biết được tính tất yếu khách quan của sự ra đời và phát triển cũng như vai trò của thuế đối với nền kinh tế, từ đó thấy được tầm quan trọng của nó đối với mọi hoạt động của nền kinh tế.
- Trình bày được các yếu tố cấu thành nên một sắc thuế.
- Phân biệt được các sắc thuế trong nền kinh tế hiện nay.
- Nhận biết được tầm quan trọng của các sắc thuế đối với nền kinh tế.

Phương pháp giảng dạy và học tập chương I:

- Đối với người dạy: Sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực (diễn giảng, vấn đáp, dạy học theo vấn đề); yêu cầu người học nhớ các giá trị đại lượng, đơn vị của các đại lượng.
- Đối với người học: Chủ động đọc trước giáo trình trước buổi học

Điều kiện thực hiện bài học:

- Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết chuyên môn
- Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu và các thiết bị dạy học khác
- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án, phim ảnh, và các tài liệu liên quan.
- Các điều kiện khác: Không có

Kiểm tra và đánh giá bài học:

Nội dung:

- + Kiến thức: Kiểm tra và đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- + Kỹ năng: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.
- + Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Trong quá trình học tập, người học cần:

- * Nghiên cứu bài trước khi đến lớp
- * Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
- * Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
- * Nghiêm túc trong quá trình học tập.

- Phương pháp:

- + Điểm kiểm tra thường xuyên: Không có
- + Kiểm tra định kỳ lý thuyết: Không có
- + Kiểm tra định kỳ thực hành: Không có

Nội dung chính:

1. Thuế và vai trò của thuế trong nền kinh tế.

1.1. Sự ra đời và phát triển của thuế.

1.1.1. Quá trình phát triển chung của thuế trên thế giới.

Lịch sử phát triển của xã hội loài người cho thấy rằng, nhân tố quan trọng nhất để thuế ra đời và phát triển cao như ngày nay gắn liền với sự ra đời, tồn tại và phát triển của nhà nước. Nhà nước xuất hiện đòi hỏi phải có cơ sở vật chất và tài sản để đảm bảo cho sự tồn tại và hoạt động của mình. Do đó, nhà nước phải dùng quyền lực chính trị vốn có để tập trung một phần nguồn lực của xã hội bằng cách huy động dưới nhiều hình thức. Trong đó, có hình thức đóng góp bắt buộc được gọi là thuế.

Nếu xét sự phát triển của các hình thức và phương pháp thu thuế, có thể chia lịch sử hình thành và phát triển thuế thành 3 giai đoạn gồm:

Giai đoạn thứ nhất: Bắt đầu từ thế giới cổ đại đến thế kỷ XVI được đặc trưng bởi sự hình thành các loại thuế sơ khai và nhà nước chưa có bộ máy thu thuế hoàn chỉnh lần đầu tiên, dưới thời La Mã cổ đại để có chi phí để xây dựng quân đội, bảo vệ biên giới, xây dựng nhà thờ, đường ống dẫn nước, đường sá... Nhà nước đánh thuế các tài sản như đất đai, vật nuôi, nô lệ, thu hái hoa quả và các tài sản có giá trị khác. Các loại thuế gián thu điển hình như thuế doanh thu với thuế suất 1%, thuế buôn bán nô lệ 4%, thuế trả tự do cho nô lệ 5%, thuế thừa kế 5%...

Giai đoạn thứ hai: Bắt đầu từ thế kỷ XVI đến đầu thế kỷ XIX, hình thành hệ thống thuế và các tổ chức thu thuế tương đối hoàn chỉnh. Một số quốc gia Châu Âu đã sử dụng phương pháp đấu giá quyền thu thuế. Tất cả số tiền thuế đã thu được chuyển vào quỹ của Chính phủ. Đến năm 1662, ở Pháp và các quốc gia Châu Âu hình thành các tổ chức thu thuế do Chính phủ quản lý đã làm cho nguồn thu từ thuế vào ngân sách của Chính phủ ngày càng tăng lên. Nguồn thu chính của Chính phủ là thuế thân (giới quý tộc và cha cô không phải nộp thuế này), các thuế khác gồm thuế đất, thuế đối với trang thiết bị quân đội, thuế mua ngựa, thuế tuyển mộ lính... Thời gian này đã bắt đầu xuất hiện thuế quan.

Giai đoạn thứ ba: Bắt đầu từ thế kỷ XIX cho đến nay, đó là thời kỳ hình thành hệ thống thuế và bộ máy thu thuế hoàn chỉnh. Trong giai đoạn này ở hầu hết các nước phát triển đã hình thành hệ thống thuế với các luật thuế và bộ máy thu thuế hoàn chỉnh. Các loại thuế trước đây dần được hoàn thiện.

- Thuế ruộng đất giữ vai trò quan trọng trong việc tạo lập nguồn thu cho Chính

phủ.

- Thuế quan ban đầu chiếm tỷ trọng lớn trong thu ngân sách thì hiện nay vai trò của hình thức thuế này ngày càng lu mờ và nhường chỗ cho các loại thuế khác.

- Thuế thu nhập cá nhân ra đời ở Anh quốc năm 1842, sau đó nhiều nước công nghiệp đã áp dụng như Nhật 1887, Mỹ 1913, Pháp 1914. Hiện nay, thuế thu nhập cá nhân là một trong những hình thức thuế giữ vai trò quan trọng bậc nhất trong hệ thống thuế của các quốc gia phát triển.

- Thuế giá trị gia tăng ra đời ở Pháp năm 1954 và hiện nay đã lan rộng ra nhiều quốc gia phát triển.

Bộ máy thu thuế ở các nước phát triển cũng ngày được hoàn chỉnh và hình thành đồng bộ từ trung ương đến địa phương. Không chỉ bao gồm các cơ quan quản lý thu nộp thuế mà ở nhiều quốc gia còn có bộ máy cảnh sát thuế, toà án thuế riêng nhằm đảm bảo sự thống nhất trong việc xây dựng luật thuế, tổ chức thu thuế, kiểm tra thu nộp thuế và xử lý các vi phạm về thuế.

1.1.2. Quá trình phát triển thuế tại Việt Nam.

Lịch sử nước ta mặc dù đã hình thành từ rất lâu nhưng cho đến tận thế kỷ XI, đời vua Trần Thái Tông (1225 – 1237) thì việc đánh thuế mới được hình thành một cách có tổ chức và hệ thống. Ngược dòng lịch sử, chúng ta tìm hiểu khái quát về chế định thuế hình thành và phát triển trong lịch sử Nhà nước và pháp luật Việt Nam.

Giai đoạn thứ nhất: Chế định thuế dưới thời phong kiến.

Ngay từ thời phong kiến, các cấp lãnh đạo dưới chế độ quân chủ đã biết tổ chức hệ thống thu thuế để làm nguồn thu cho công quỹ của nhà Vua. Tuy vậy, từ các triều đại nhà Trần trở về sau này, sự tổ chức, cách đánh thuế và thu thuế mới được ghi chép và có hệ thống.

Giai đoạn thứ hai: Chế định thuế dưới thời Pháp thuộc.

Cơ chế tài chính do Pháp thiết lập ở Đông Dương đầu thế kỷ XX không nằm ngoài mục đích bao trùm là vơ vét của cải của thuộc địa. Dưới thời Pháp thuộc, thuế được huy động vào hệ thống ngân sách thuộc địa gồm nhiều tầng nấc nhưng chúng lại không được chuyển thành nguồn tài trợ cho sự phát triển của xã hội mà lại được chuyển về chính quốc, theo đúng mục tiêu của chủ nghĩa thực dân.

Chính phủ thuộc địa Pháp đặt ra các thuế ngoại ngạch tức là loại thuế gián thu như thuế tiêu thụ thuốc lá, thuế rượu, thuế muối, thuế đoan (thuế quan). Thuế trực thu thì có thuế môn bài, thuế thổ trạch (Thuế thổ trạch là khoản thu hàng năm đối với người có quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở).

Giai đoạn thứ ba: Chế định thuế thời kỳ sau Cách mạng Tháng tám năm 1945 đến năm 1975

- Từ sau Cách mạng tháng 8 năm 1945 đến năm 1954:

Sau khi Cách mạng tháng 8 thành công, Chính phủ ta chủ trương bãi bỏ các sắc thuế mang tính chất phi nhân đạo như thuế thân, thuế thổ trạch ở thôn quê và một số tạp thuế vô lý, miễn thuế điền thổ cho vùng bị lụt và giảm thuế điền 20% trong toàn quốc, đình chỉ thu thuế ở miền Nam.

Sau năm 1946, Nhà nước một mặt bắt đầu cải tiến chế độ thuế, tăng thuế suất nhiều loại thuế. Mặt khác, vẫn tiếp tục dựa vào những đóng góp mới như Quỹ “Tham

gia kháng chiến” năm 1949, Quỹ “Công lương” và thuế điền thổ. Đồng thời, Chính phủ cũng vận động nhân dân vay dưới hình thức công trái, đồng thời còn dựa vào nguồn phát hành tiền tệ.

Đến năm 1951, bên cạnh việc thống nhất quản lý tài chính Nhà nước, Chính phủ còn ban hành chính sách pháp luật thuế mới được xây dựng trên nguyên tắc công bằng, thích hợp với hoàn cảnh kinh tế – xã hội và điều kiện chiến tranh. Chính sách pháp luật thuế thống nhất bao gồm 7 loại thuế là Thuế nông nghiệp, Thuế công thương nghiệp, Thuế hàng hóa, Thuế xuất nhập khẩu, Thuế sát sinh, Thuế trước bạ, Thuế tem.

Trong số các loại thuế này thì thuế nông nghiệp giữ vai trò quan trọng. Tuy nhiên, các loại thuế này vẫn chưa được cấu trúc thành một hệ thống pháp luật thuế hoàn chỉnh và cũng chưa có tác dụng đáng kể.

- Từ năm 1954 đến năm 1975:

Đây là giai đoạn mà nền tài chính đứng trước nhiều thuận lợi và thử thách mới. Một mặt, Việt Nam đã đánh đuổi thực dân Pháp ra khỏi bờ cõi một cách vĩnh viễn, nhưng mặt khác, đất nước lại bị chia cắt. Sau hiệp định Geneve, Chính phủ chỉ lần lượt ban hành các loại Luật thuế mới trên cơ sở sửa đổi, bổ sung các chế độ thuế đã ban hành từ năm 1951 ở vùng tự do cũ để áp dụng thống nhất bao gồm 12 loại thuế sau: Thuế doanh nghiệp, Thuế hàng hóa, Thuế sát sinh, Thuế buôn chuyến, Thuế thổ trạch, Thuế kinh doanh nghệ thuật, Thuế môn bài, Thuế trước bạ, Thuế muối, Thuế rượu, Thuế xuất nhập khẩu.

Trong thời kỳ cải tạo xã hội chủ nghĩa, thuế công thương nghiệp được sửa đổi đáng kể từ một hệ thống thuế tương đối ít chuyển sang một hệ thống với nhiều hình thức thuế khác nhau, áp dụng trên nhiều khâu của quá trình sản xuất, lưu thông hàng hóa, sử dụng nhiều loại thuế suất khác nhau có sự phân biệt giữa các ngành nghề sản xuất, kinh doanh, phân biệt kinh tế tập thể và tư nhân với nhiều biện pháp ưu đãi khác nhau.

Giai đoạn thứ tư: Từ năm 1975 đến năm 1990

- Từ năm 1975 – đến năm 1980:

Trong thời kỳ này, miền Bắc vẫn tiếp tục thực hiện hệ thống pháp luật thuế đã ban hành từ trước, có sửa đổi cho phù hợp với tình hình mới. Còn miền Nam thì có áp dụng một số loại thuế cũ của chính quyền Sài Gòn trên cơ sở xóa bỏ một số loại thuế phản tiến bộ và sửa đổi bổ sung để thích ứng với điều kiện đất nước thống nhất.

- Từ năm 1980 – đến năm 1990:

Trong thời kỳ này, cả nước áp dụng hệ thống pháp luật thuế thống nhất nhưng hệ thống pháp luật thuế hiện hành này ngày càng tỏ ra có nhiều nhược điểm, cản trở sự phát triển các yếu tố của nền kinh tế thị trường đang nảy sinh.

Giai đoạn thứ năm: Giai đoạn từ 1990 đến nay

Từ giữa những năm 1980, cùng với công cuộc đổi mới và mở cửa nền kinh tế, hệ thống pháp luật thuế Việt Nam đã được nghiên cứu và đến năm 1990 một hệ thống pháp luật thuế mới được hình thành bao gồm hệ thống chính sách pháp luật thuế và hệ thống quản lý Nhà nước về thuế.

Giai đoạn này được đặc trưng bởi sự hình thành một hệ thống pháp luật thuế hoàn chỉnh nhất từ trước đến nay bao gồm 9 loại thuế: Thuế xuất khẩu nhập khẩu, Thuế tiêu thụ đặc biệt, Thuế giá trị gia tăng, Thuế thu nhập doanh nghiệp, Thuế thu nhập cá nhân,

Thuế sử dụng đất nông nghiệp, Thuế nhà đất, Thuế tài nguyên, Thuế bảo vệ môi trường.

Ngoài ra còn có một số phí và lệ phí có tính chất như thuế như lệ phí môn bài, lệ phí trước bạ, lệ phí giao thông.

1.2. Khái niệm và đặc điểm của thuế.

1.2.1. Khái niệm.

Cho đến ngày nay, trong giới các học giả và trên các sách báo kinh tế thế giới vẫn chưa có quan điểm thống nhất về khái niệm thuế. Nhìn chung các quan điểm của các nhà kinh tế khi đưa ra khái niệm thuế mới chỉ nhìn nhận từ những khía cạnh khác nhau của thuế, chưa phản ánh đầy đủ bản chất chung của phạm trù thuế. Chẳng hạn theo các nhà kinh điển thì thuế được quan niệm rất đơn giản: Để duy trì quyền lực công cộng, cần phải có những sự đóng góp của những người công dân của Nhà nước đó là thuế khoá.

Thuế là hình thức đóng góp theo nghĩa vụ do luật quy định cho các tổ chức và cá nhân trong xã hội nộp cho Nhà nước bằng một phần thu nhập của mình nhằm tập trung một bộ phận quyền lực, của cải xã hội vào ngân sách Nhà nước để đáp ứng nhu cầu chi tiêu của Nhà nước, thích ứng với từng giai đoạn phát triển của đời sống kinh tế xã hội.

Hoặc Thuế là một khoản nộp bắt buộc mà các thể nhân và pháp nhân có nghĩa vụ phải thực hiện đối với Nhà nước, phát sinh trên cơ sở các văn bản pháp luật do Nhà nước ban hành, không mang tính chất đối giá và hoàn trả trực tiếp cho đối tượng nộp thuế. Thuế không phải là một hiện tượng tự nhiên mà là một hiện tượng xã hội do chính con người định ra và nó gắn liền với phạm trù Nhà nước và pháp luật.

Ngoài khoản thu về thuế, ngân sách Nhà nước còn có những khoản thu khác như phí và lệ phí. Đây là những khoản thu mà một tổ chức hay cá nhân phải trả khi được một cơ quan Nhà nước hoặc tổ chức, cá nhân được Nhà nước uỷ quyền cung cấp hàng hoá, dịch vụ công cộng.

1.2.2. Đặc điểm.

Những khái niệm về thuế nêu trên mới nhấn mạnh một chiều theo quan niệm của từng góc độ khác nhau, nên chưa thật đầy đủ và chính xác được bản chất của thuế. Đến nay, tuy chưa có một định nghĩa về thuế thống nhất, nhưng các thành phần kinh tế đều nhất trí cho rằng, để làm rõ được bản chất của thuế thì định nghĩa về thuế phải nêu bật được các khía cạnh sau đây:

- Thuế do cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất ban hành.

Ở các quốc gia, do vai trò quan trọng của thuế đối với việc hình thành quỹ ngân sách Nhà nước và những ảnh hưởng của nó đối với đời sống kinh tế - xã hội nên thẩm quyền quy định, sửa đổi, bãi bỏ các Luật thuế đều thuộc cơ quan lập pháp. Đây là nguyên tắc sớm được ghi nhận trong pháp luật của các nước. Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định: Quốc hội có nhiệm vụ và quyền hạn quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các Luật thuế. Tuy vậy, do yêu cầu điều chỉnh các quan hệ pháp luật về thuế, Quốc hội có thể giao cho ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ một số loại thuế thông qua hình thức ban hành Pháp lệnh hoặc Nghị quyết về thuế.

- Thuế là một khoản thu mang tính bắt buộc, để đảm bảo tập trung thuế trên phạm vi toàn xã hội.

Chính phủ phải sử dụng hệ thống pháp luật để ban hành các sắc thuế, vì vậy thuế thường được quy định dưới dạng văn bản luật hay pháp lệnh. Cho nên, trốn thuế hay